

Công ty Cổ phần FPT (FPT: HOSE)

Ngày báo cáo 19/05/2025
Ngành: CNTT
CVPT: Bạch Chân Mẫn
Email: manbc@ssi.com.vn
Tel: +84-28 3824 2897 ext. 6738

Khuyến nghị: **TRUNG LẬP**
Giá mục tiêu 1Y: **122.500 Đồng**
Giá CP ngày 19/05/2025: 118.200 Đồng
% Tăng giá: **+3,6%**

Giá trị vốn hoá (triệu USD): 7.261
Giá trị vốn hoá (tỷ đồng): 185.166
Số cổ phiếu lưu hành (triệu): 1.481
KLGD trung bình 3 tháng (cp): 7.994.130
Giá cao/thấp nhất 52T (NĐ): 154,3/105,1
GTGD trung bình 3 tháng (tỷ đồng): 890,6
Tỷ lệ sở hữu nước ngoài (%): 41,6
Tỷ lệ sở hữu nhà nước (%): 5,7

Biến động giá cổ phiếu



Nguồn: SSI Research

Thông tin cơ bản về công ty

FPT được thành lập vào năm 1988, là công ty hàng đầu trong ngành CNTT Việt Nam. Công ty được niêm yết trên HOSE năm 2006. Đến nay, FPT đã duy trì được mức tăng trưởng cao, mở rộng ngành nghề kinh doanh khác nhau và mở rộng ra thị trường thế giới.

Lợi nhuận tháng 4 chịu áp lực từ các yếu tố vĩ mô toàn cầu

- Trong tháng 4/2025, cả doanh thu và lợi nhuận ròng của FPT đều ghi nhận mức tăng trưởng thấp hơn 15% svck, do ảnh hưởng gián tiếp từ chính sách thuế đối ứng của Mỹ.
- Mảng viễn thông là động lực chính thúc đẩy tăng trưởng lợi nhuận tháng 4/2025.
- Chúng tôi dự báo doanh thu và lợi nhuận sau thuế thuộc cổ đông công ty mẹ (NPATMI) năm 2025 sẽ lần lượt tăng 15% và 18% svck.

Tóm tắt đầu tư: Chúng tôi hạ khuyến nghị cổ phiếu FPT xuống **TRUNG LẬP** (từ **KHẢ QUAN**), và giảm giá mục tiêu 12 tháng dựa trên phương pháp SOTP (tổng các giá trị thành phần) xuống 122.500 đồng/cổ phiếu (từ 129.600 đồng/cổ phiếu), tương đương tiềm năng tăng giá là 3,6%. Chúng tôi lưu ý rằng giá cổ phiếu FPT đã tăng khoảng 8% kể từ lần cập nhật trước. Mức giá mục tiêu mới dựa trên việc giảm dự báo NPATMI năm 2025 khoảng 3%, chủ yếu do giảm ước tính doanh thu tại thị trường APAC (trừ Nhật Bản) khoảng 19%.

Trong tháng 4/2025, doanh thu và lợi nhuận sau thuế (LNST) lần lượt tăng 12% và 14% svck: Điều này phản ánh tác động từ chính sách thuế quan của Mỹ lên lĩnh vực công nghệ, khiến các doanh nghiệp trên thế giới dè dặt hơn trong chi tiêu công nghệ thông tin (CNTT). Cụ thể, mảng công nghệ chỉ ghi nhận mức tăng trưởng lợi nhuận trước thuế (LNTT) đạt 5% svck, trong khi mảng viễn thông trở thành động lực tăng trưởng mới với mức tăng trưởng LNTT đạt 25% svck.

Triển vọng năm 2025: Chúng tôi cho rằng tình hình kinh tế vĩ mô toàn cầu hiện nay sẽ cần thêm thời gian để nhìn thấy sự cải thiện nhất định. Để thận trọng, chúng tôi dự báo doanh thu và NPATMI năm 2025 sẽ lần lượt đạt 72,6 nghìn tỷ đồng (+15% svck) và 9,3 nghìn tỷ đồng (+18% svck).

Yếu tố hỗ trợ: Tình hình kinh tế vĩ mô tốt hơn sẽ thúc đẩy chi tiêu CNTT và hỗ trợ mảng công nghệ.

Rủi ro: Mức lương kỹ sư CNTT cao hơn có thể làm giảm lợi thế chi phí thấp của FPT.

Bảng 1: Chỉ tiêu chính

Tỷ đồng	2021	2022	2023	2024	2025F	2026F
Doanh thu thuần	35.657	44.010	52.618	62.849	72.577	84.240
Lợi nhuận gộp	13.632	17.167	20.320	23.698	28.224	33.097
Lợi nhuận trước thuế	6.337	7.662	9.203	11.070	12.988	15.330
Lợi nhuận ròng	5.349	6.491	7.788	9.427	11.092	13.092
EPS (VND)	3.614	4.420	4.652	4.916	5.777	6.914
BVPS (VND)	19.767	19.183	19.663	20.252	23.902	28.816
DPS (VND)	2.000	2.000	2.000	2.000	2.000	2.000
ROA	11,2%	12,3%	13,9%	14,3%	14,4%	15,0%
ROE	26,7%	27,8%	28,2%	28,7%	28,1%	27,4%
Tỷ suất cổ tức	2,2%	2,6%	2,1%	1,3%	1,7%	1,7%
Tiền/VCSH (x)	0,3	0,3	0,3	0,5	0,3	0,4
P/E (x)	25,7	17,4	20,7	31,0	20,5	17,1
P/B (x)	4,7	4,0	4,9	7,5	4,9	4,1

Nguồn: FPT, SSI Research

Nhìn lại 4T2025: Bất ổn kinh tế vĩ mô toàn cầu bắt đầu ảnh hưởng rõ rệt lên đà tăng trưởng của FPT từ tháng 4/2025

Trong 4 tháng đầu năm 2025, FPT công bố doanh thu đạt 21,6 nghìn tỷ đồng (+13,5% svck) và lợi nhuận sau thuế (LNST) đạt 3,5 nghìn tỷ đồng (+18,5% svck) (với LNTT tăng 17,9% svck). Điều này phản ánh đà tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận có phần chững lại, với mức tăng lần lượt là 12% svck và 14% svck tính riêng trong tháng 4/2025 (so với 14% svck và 19% svck trong Q1/2025). Kết quả này thấp hơn dự báo của chúng tôi do tăng trưởng tại thị trường Châu Á Thái Bình Dương yếu hơn dự kiến (trừ Nhật Bản) (xem [báo cáo KQKD Q1/2025 của FPT](#) ngày 23/4/2025). Một số điểm chính về KQKD tháng 4/2025 của FPT như sau:

Mảng viễn thông là động lực tăng trưởng chính (thay vì mảng công nghệ), với mức tăng trưởng doanh thu và LNTT lần lượt đạt 14% svck và 25% svck. Kết quả này phù hợp với kỳ vọng của chúng tôi nhờ nỗ lực bán hàng cải thiện và tối ưu hóa các gói dịch vụ internet.

Mảng công nghệ ghi nhận LNTT tăng 5% svck (so với 25% svck trong Q1/2025), mặc dù doanh thu vẫn tăng trưởng hai chữ số. Như đã đề cập trong [báo cáo cập nhật FPT](#) ngày 17/4/2025, các khách hàng của FPT trở nên dè dặt hơn trong chi tiêu CNTT trong lúc chờ đợi diễn biến chính sách thuế quan trong thời gian tới. Chúng tôi lưu ý rằng việc chi tiêu CNTT thường không được ưu tiên trong giai đoạn bất ổn kinh tế vĩ mô. Trên thực tế, giá trị hợp đồng ký mới/doanh thu từ hợp đồng ký mới cũng đã giảm 6% svck (theo ước tính của chúng tôi) trong tháng 4/2025, cho thấy những thách thức mà FPT đang phải đối mặt. Trong lúc đó, Nhật Bản vẫn tiếp tục đạt mức tăng trưởng doanh thu ổn định ở mức khoảng 30% svck (số liệu cho các thị trường khác không được công bố), chúng tôi cho rằng chủ yếu là nhờ vào nhu cầu chuyển đổi số.

Bảng 2: KQKD 4T2025

Tỷ đồng	Doanh thu			LNTT			Biên LNTT	
Mảng	4T24	4T25	YoY	4T24	4T25	YoY	4T24	4T25
Công nghệ	11.455	13.177	15,0%	1.547	1.827	18,1%	13,5%	13,9%
CNTT nước ngoài	9.450	11.001	16,4%	1.495	1.792	19,9%	15,8%	16,3%
CNTT trong nước	2.005	2.176	8,5%	52	35	-32,7%	2,6%	1,6%
Viễn thông	5.365	6.123	14,1%	1.116	1.330	19,2%	20,8%	21,7%
Giáo dục, Đầu tư, và Khác	2.169	2.257	4,1%	784	908	15,8%	36,1%	40,2%
FPT	18.989	21.557	13,5%	3.447	4.065	17,9%	18,2%	18,9%

Nguồn: FPT, SSI Research

Bảng 3: KQKD T4/2025

Tỷ đồng	Doanh thu			LNTT			Biên LNTT	
Mảng	T4/2024	T4/2025	YoY	T4/2024	T4/2025	YoY	T4/2024	T4/2025
Công nghệ	2.983	3.408	14,2%	391	412	5,2%	13,1%	12,1%
CNTT nước ngoài	2.451	2.815	14,9%	380	401	5,5%	15,5%	14,2%
CNTT trong nước	533	593	11,3%	11	11	-5,3%	2,1%	1,8%
Viễn thông	1.353	1.541	13,9%	291	364	24,9%	21,5%	23,6%
Giáo dục, Đầu tư, và Khác	560	550	-1,7%	231	266	15,0%	41,3%	48,3%
FPT	4.896	5.499	12,3%	913	1.041	14,0%	18,7%	18,9%

Nguồn: FPT, SSI Research

Thương vụ mua David Lamm Consulting thể hiện cam kết của FPT đối với thị trường EU

Vào đầu tháng 5/2025, FPT công bố đã hoàn tất thương vụ mua lại toàn bộ David Lamm Consulting, một công ty tư vấn CNTT của Đức, với kinh nghiệm chuyên sâu trong lĩnh vực năng lượng. Chúng tôi lưu ý David Lamm Consulting và FPT đã bắt đầu hợp tác với nhau từ Q4/2024. Công ty này sở hữu thế mạnh trong nhiều mảng như tích hợp, phát triển toàn diện (full-stack), thiết kế giao diện người dùng (UI/UX), tích hợp SAP (Systems, Applications và Products) và hệ thống quản lý thông tin khách hàng. Thông qua thương vụ này, chúng tôi cho rằng David Lamm Consulting sẽ giúp tăng cường năng lực công nghệ và tư vấn của FPT, đồng thời củng cố năng lực cạnh tranh và sự hiện diện của FPT tại thị trường châu Âu, với các giải pháp chuyên biệt dành cho khách hàng trong lĩnh vực năng lượng/tiện ích. Lĩnh vực này hiện đang đóng góp gần 50% doanh thu của FPT tại thị trường châu Âu.

Triển vọng lợi nhuận năm 2025

Bảng 4: Triển vọng năm 2025 theo từng mảng

Tỷ đồng	Doanh thu				LNTT				Biên LNTT		
Mảng	2024	svck	2025F	svck	2024	svck	2025F	svck	2023	2024	2025F
Công nghệ	39.110	24%	46.099	18%	5.230	26%	6.499	24%	13,2%	13,4%	14,1%
CNTT nước ngoài	30.953	27%	36.314	17%	4.770	26%	5.880	23%	15,6%	15,4%	16,2%
CNTT trong nước	8.157	14%	9.785	20%	460	21%	619	35%	5,3%	5,6%	6,3%
Viễn thông	17.610	11%	19.590	11%	3.588	18%	4.127	15%	19,2%	20,4%	21,1%
Dịch vụ viễn thông	16.906	11%	18.843	11%	3.420	18%	3.950	15%	19,1%	20,2%	21,0%
Quảng cáo trực tuyến	705	14%	747	6%	167	19%	178	6%	22,7%	23,8%	23,8%
Giáo dục, Đầu tư, và Khác	6.129	14%	6.887	12%	2.252	12%	2.362	5%	37,4%	36,8%	34,3%
FPT	62.849	19%	72.577	15%	11.070	20%	12.988	17%	17,5%	17,6%	17,9%

Nguồn: FPT, SSI Research

Chúng tôi điều chỉnh giảm dự báo NPATMI năm 2025 xuống 3%, do chúng tôi giảm ước tính doanh thu tại khu vực APAC (trừ Nhật Bản) xuống 19%. Theo đó, chúng tôi kỳ vọng doanh thu tại thị trường này tăng 5% svck trong năm 2025 (so với mức tăng 29% svck trước đó). Chúng tôi cũng cho rằng những bất ổn kinh tế vĩ mô toàn cầu hiện tại có thể sẽ kéo dài (ít nhất trong Q2/2025). Do đó, chúng tôi cho rằng dự báo điều chỉnh cho năm 2025 là phù hợp với những khó khăn hiện tại của FPT, với doanh thu đạt 72,6 nghìn tỷ đồng (+15% svck) và NPATMI đạt 9,3 nghìn tỷ VNĐ (+18% YoY).

Tóm tắt đầu tư

Chúng tôi giữ nguyên hệ số P/E mục tiêu cho các mảng: công nghệ (20x), viễn thông (14x) và giáo dục (20x). Với mức điều chỉnh giảm 3% trong dự báo NPATMI năm 2025, chúng tôi đưa ra giá mục tiêu 12 tháng theo phương pháp SOTP là 122.500 VNĐ/cổ phiếu (giảm từ 129.600 VNĐ/cổ phiếu) (Chúng tôi lưu ý số lượng cổ phiếu cũng đã được điều chỉnh sau khi FPT triển khai chương trình ESOP năm 2025). Mức giá mục tiêu này tương ứng với tiềm năng tăng giá là 3,6%. Do đó, chúng tôi hạ khuyến nghị cổ phiếu FPT xuống **TRUNG LẬP**, từ **KHẢ QUAN**.

Bảng 5: Giá mục tiêu theo phương pháp SOTP

	Phương pháp	% cổ phần	Lợi nhuận ròng 2025F (triệu đồng)	P/E mục tiêu (x)	Equity value (VND mn)	% FPT (VND mn)
Viễn thông	P/E	46%	3.301.985	14,0	46.227.791	21.107.610
Công nghệ	P/E	100%	5.199.346	20,0	103.986.922	103.986.922
Giáo dục	P/E	100%	2.017.631	20,0	40.352.628	40.352.628
FPT Retail (FRT: HOSE) *	DCF	47%			29.973.326	13.949.586
Khoản đầu tư tại TP Bank (TPB: HOSE)						2.086.710
Giá trị VCSH						181.483.455
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành						1.481.330.122
Giá mục tiêu 12 tháng						122.500
% Tăng giá						4%
Tổng mức sinh lời (đã bao gồm cổ tức) **						4%

Nguồn: SSI Research.

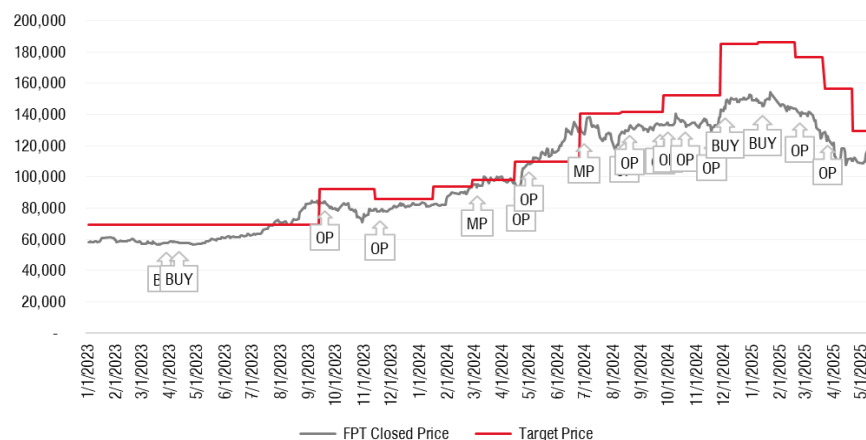
*Đối với FPT Retail, chúng tôi áp dụng pp DCF cho cả FPT Shop và Nhà thuốc Long Châu

** Chúng tôi không tính khoản thanh toán cổ tức đợt 1 năm 2024 (1.000 đồng/cp, đã thanh toán năm 2024) vào ước tính lợi suất cổ tức của chúng tôi

Yếu tố hỗ trợ: Tình hình kinh tế vĩ mô tốt hơn sẽ thúc đẩy chi tiêu CNTT và hỗ trợ mảng công nghệ.

Rủi ro: Mức lương kỹ sư CNTT cao hơn có thể làm giảm lợi thế chi phí thấp của FPT.

Lịch sử khuyến nghị



Nguồn: SSI Research

Ghi chú: BUY: Mua, OP: Khả quan, MP: Trung lập, UP: Kém khả quan

PHỤ LỤC: BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM

Tỷ đồng	2023	2024	2025F	2026F
Bảng cân đối kế toán				
+ Tiền và các khoản tương đương tiền	8.279	9.315	7.995	14.165
+ Đầu tư ngắn hạn	16.104	21.785	23.768	23.768
+ Các khoản phải thu ngắn hạn	9.674	11.382	13.556	15.735
+ Hàng tồn kho	1.593	1.857	2.396	2.762
+ Tài sản ngắn hạn khác	1.055	1.197	1.638	1.895
Tổng tài sản ngắn hạn	36.706	45.536	49.353	58.326
+ Các khoản phải thu dài hạn	247	332	490	569
+ GTCL Tài sản cố định	13.643	14.816	20.176	21.695
+ Bất động sản đầu tư	0	0	0	0
+ Tài sản dài hạn dở dang	1.315	2.560	2.541	1.648
+ Đầu tư dài hạn	3.335	3.318	3.318	3.318
+ Tài sản dài hạn khác	5.036	5.438	6.246	7.041
Tổng tài sản dài hạn	23.577	26.464	32.771	34.271
Tổng tài sản	60.283	72.000	82.124	92.597
+ Nợ ngắn hạn	29.652	34.836	37.000	38.565
Trong đó: vay ngắn hạn	13.838	14.446	18.576	16.830
+ Nợ dài hạn	698	1.436	1.987	1.650
Trong đó: vay dài hạn	208	501	972	479
Tổng nợ phải trả	30.350	36.272	38.986	40.215
+ Vốn góp	12.700	14.711	14.813	14.813
+ Thặng dư vốn cổ phần	50	50	50	50
+ Lợi nhuận chưa phân phối	8.674	11.031	16.544	23.823
+ Quỹ khác	8.509	9.937	11.731	13.696
Vốn chủ sở hữu	29.933	35.728	43.138	52.382
Tổng nợ phải trả và vốn chủ sở hữu	60.283	72.000	82.124	92.597
Lưu chuyển tiền tệ				
Dòng tiền từ hoạt động kinh doanh	9.517	11.704	5.475	15.540
Dòng tiền từ hoạt động đầu tư	-6.548	-8.462	-8.454	-4.168
Dòng tiền từ hoạt động tài chính	-1.168	-2.198	1.659	-5.202
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	1.800	1.044	-1.321	6.170
Tiền đầu kỳ	6.440	8.279	9.315	7.995
Tiền cuối kỳ	8.279	9.315	7.995	14.165
Các hệ số khả năng thanh toán				
Hệ số thanh toán hiện hành	1,24	1,31	1,33	1,51
Hệ số thanh toán nhanh	1,15	1,22	1,22	1,39
Hệ số thanh toán tiền mặt	0,82	0,89	0,86	0,98
Nợ ròng / EBITDA	0,48	0,40	-0,86	-0,85
Khả năng thanh toán lãi vay	12,05	21,07	18,93	20,81
Ngày phải thu	59,1	56,9	57,3	57,4
Ngày phải trả	32,8	32,8	33,4	28,3
Ngày tồn kho	20,1	16,1	17,5	18,4
Cơ cấu vốn				
Vốn chủ sở hữu/Tổng tài sản	0,50	0,50	0,53	0,57
Nợ phải trả/Tổng tài sản	0,50	0,50	0,47	0,43
Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	1,01	1,02	0,90	0,77
Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,35	0,45	0,28	0,39
Nợ ngắn hạn/Vốn chủ sở hữu	0,46	0,40	0,43	0,32

Nguồn: FPT, SSI dự báo

Tỷ đồng	2023	2024	2025F	2026F
Báo cáo kết quả kinh doanh				
Doanh thu thuần	52.618	62.849	72.577	84.240
Giá vốn hàng bán	-32.298	-39.150	-44.353	-51.143
Lợi nhuận gộp	20.320	23.698	28.224	33.097
Doanh thu hoạt động tài chính	2.336	1.936	1.792	1.765
Chi phí tài chính	-1.718	-1.812	-1.830	-1.968
Thu nhập từ các công ty liên kết	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	-5.243	-6.116	-7.466	-8.564
Chi phí quản lý doanh nghiệp	-6.625	-7.074	-8.786	-10.219
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	9.112	11.025	12.639	14.816
Thu nhập khác	91	45	349	514
Lợi nhuận trước thuế	9.203	11.070	12.988	15.330
Lợi nhuận ròng	7.788	9.427	11.092	13.092
Lợi nhuận chia cho cổ đông	6.465	7.857	9.298	11.127
Lợi ích của cổ đông thiểu số	1.323	1.571	1.794	1.965
EPS cơ bản (VND)	4.652	4.916	5.777	6.914
Giá trị sổ sách (VND)	19.663	20.252	23.902	28.816
Cổ tức (VND/cổ phiếu)	2.000	2.000	2.000	2.000
EBIT	10.036	11.621	13.713	16.104
EBITDA	11.908	13.666	16.513	19.356
Tăng trưởng				
Doanh thu	19,6%	19,4%	15,5%	16,1%
EBITDA	20,3%	14,8%	20,8%	17,2%
EBIT	20,8%	15,8%	18,0%	17,4%
Lợi nhuận ròng	20,0%	21,0%	17,7%	18,0%
Vốn chủ sở hữu	18,1%	19,4%	20,7%	21,4%
Vốn điều lệ	15,8%	15,8%	0,7%	0,0%
Tổng tài sản	16,7%	19,4%	14,1%	12,8%
Định giá				
P/E	20,7	31,0	20,5	17,1
P/B	4,9	7,5	4,9	4,1
Giá/Doanh thu	2,3	3,6	2,4	2,1
Tỷ suất cổ tức	2,1%	1,3%	1,7%	1,7%
EV/EBITDA	9,1	14,7	9,9	8,0
EV/Doanh thu	2,1	3,3	2,2	1,8
Các hệ số khả năng sinh lời				
Tỷ suất lợi nhuận gộp	38,6%	37,7%	38,9%	39,3%
Tỷ suất lợi nhuận hoạt động	15,8%	16,5%	16,7%	17,2%
Tỷ suất lợi nhuận ròng	14,8%	15,0%	15,3%	15,5%
Chi phí bán hàng/Doanh thu thuần	10,0%	9,7%	10,3%	10,2%
Chi phí quản lý/Doanh thu thuần	12,6%	11,3%	12,1%	12,1%
ROE	28,2%	28,7%	28,1%	27,4%
ROA	13,9%	14,3%	14,4%	15,0%
ROIC	20,8%	20,9%	20,7%	20,8%

CAM KẾT PHÂN TÍCH

Chuyên viên phân tích trong báo cáo này cam kết rằng (1) quan điểm thể hiện trong báo cáo phân tích này phản ánh chính xác quan điểm cá nhân đối với chứng khoán và/hoặc tổ chức phát hành và (2) chuyên viên phân tích đã/đang/sẽ được miễn trách nhiệm bồi thường trực tiếp hoặc gián tiếp liên quan đến khuyến nghị cụ thể hoặc quan điểm trong báo cáo phân tích này.

KHUYẾN NGHỊ

Mua: Ước tính tiềm năng tăng giá lớn hơn hoặc bằng 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Khả quan: Ước tính tiềm năng tăng giá dưới 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Trung lập: Ước tính tiềm năng tăng giá tương đương so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Kém khả quan: Ước tính tiềm năng giảm giá dưới 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Bán: Ước tính tiềm năng giảm giá lớn hơn hoặc bằng 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Trong một số trường hợp, khuyến nghị dựa trên tiềm năng tăng giá 1 năm có thể được điều chỉnh lại theo ý kiến của chuyên viên phân tích sau khi cân nhắc một số yếu tố thị trường có thể làm ảnh hưởng đến giá cổ phiếu trong ngắn hạn và trung hạn.

TUYÊN BỐ MIỄN TRỪ

Các thông tin, tuyên bố, dự báo và dự đoán trong báo cáo này, bao gồm cả các ý kiến đã thể hiện, được dựa trên các nguồn thông tin mà SSI cho là đáng tin cậy, tuy nhiên SSI không đảm bảo sự chính xác và đầy đủ của các thông tin này. Báo cáo không có bất kỳ thông tin nhạy cảm về giá chưa công bố nào. Các ý kiến thể hiện trong báo cáo này được đưa ra sau khi đã được xem xét kỹ càng và cẩn thận và dựa trên thông tin tốt nhất chúng tôi được biết, và theo ý kiến cá nhân của chúng tôi là hợp lý trong các trường hợp tại thời điểm đưa ra báo cáo. Các ý kiến thể hiện trong báo cáo này có thể thay đổi bất kỳ lúc nào mà không cần thông báo. Báo cáo này không và không nên được giải thích như một lời đề nghị hay lời kéo để đề nghị mua hay bán bất cứ chứng khoán nào. SSI và các công ty con và/hoặc các chuyên viên, giám đốc, nhân viên của SSI và công ty con có thể có vị thế hoặc có thể ảnh hưởng đến giao dịch chứng khoán của các công ty được đề cập trong báo cáo này và có thể cung cấp dịch vụ hoặc tìm kiếm để cung cấp dịch vụ ngân hàng đầu tư cho các công ty đó.

Báo cáo này không được sử dụng dưới bất kỳ mục đích thương mại nào, và không được công bố công khai trên báo chí hay bất kỳ phương tiện nào khác nếu không được sự đồng ý của SSI. Người dùng có thể trích dẫn hoặc trình chiếu báo cáo cho các mục đích phi thương mại. SSI có thể có thỏa thuận cho phép sử dụng cho mục đích thương mại hoặc phân phối lại báo cáo với điều kiện người dùng trả phí cho SSI. SSI không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ thiệt hại trực tiếp hay thiệt hại do hậu quả phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hay nội dung báo cáo này. Việc sử dụng bất kỳ thông tin, tuyên bố, dự báo, và dự đoán nào trong báo cáo này sẽ do người dùng tự quyết định và tự chịu rủi ro.

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trung tâm phân tích và tư vấn đầu tư

Phạm Lưu Hưng

Giám đốc Trung Tâm phân tích và tư vấn đầu tư

hungpl@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8711

Chiến lược thị trường

Đào Minh Châu

Phó giám đốc Trung tâm phân tích và tư vấn đầu tư

chaudm@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 28) 3824 2897 ext. 6732

Phân tích Ngành CNTT

Bạch Chân Mân

Chuyên viên Phân tích

manbc@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 28) 3824 2897 ext. 6738

Dữ liệu

Nguyễn Thị Anh Thư

Chuyên viên hỗ trợ

thunta2@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8702